

Số: 148/2020/QĐST-HNGĐ

Dĩ An, ngày 20 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 194/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Anh Nguyễn Anh H, sinh năm 1993; thường trú: Thôn T L 2, xã L S, huyện N S, tỉnh Ninh Thuận.

2. Chị Nguyễn Thị Kiều S, sinh năm 1997; thường trú: Thôn T L 2, xã L S, huyện N S, tỉnh Ninh Thuận; tạm trú: Số 33E/6A khu phố T H, phường Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ngày 12 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh H và chị Nguyễn Thị Kiều S thuận tình ly hôn. (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 09/3/2017 do UBND xã Lương Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận cấp).

- Về con chung: Anh Nguyễn Anh H đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trà M, sinh ngày 03/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Kiều S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Trà M đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau ly hôn, anh Nguyễn Anh H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh H thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Anh H và chị Nguyễn Thị Kiều S tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nguyễn Anh H và chị Nguyễn Thị Kiều S tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Anh H và chị Nguyễn Thị Kiều S chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040224 ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Viện kiểm sát nhân dân TX. Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Đương sự (02);
- Ủy ban nhân dân L S, huyện N S, tỉnh Ninh Thuận (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

THẨM PHÁN

Võ Ngọc Công